

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYÊN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST.  
Ngày: 01/4/2022.  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Hồng Phụng.

Ông Huỳnh Văn Hiệp.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M , tỉnh Sóc Trăng.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M :*** Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M , tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

**- *Nguyên đơn:*** Ông Trịnh Cẩm Th , sinh năm 1986 – Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang Minh 1- Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số 59E8004000 ngày 17/7/2013 (Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26/11/2018).

Địa chỉ Hộ kinh doanh: Số 222, ấp H , xã N , huyện M , tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Bà Dương Gia A , sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Số 222, ấp H , xã N , huyện M , tỉnh Sóc Trăng.

**- *Bị đơn:***

1/ Ông Nguyễn Văn V , sinh năm 1973 – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Văn V  
**- Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số 59E8004263 ngày 25/7/2014, (vắng mặt).**

2/ Bà Nguyễn Phi L, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H , xã N , huyện M , tỉnh Sóc Trăng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2021, tại biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2021, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Dương Gia A trình bày: Vào ngày 15/5/2016, ông Nguyễn Văn V là Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn V (Út Văn) và bà Nguyễn Phi L cùng ông Trịnh Cẩm Th là Chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh 1 có ký hợp đồng đại lý mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản, mục đích để ông V và bà L nuôi tôm phát triển kinh tế gia đình. Theo thỏa thuận thì ông Thăng bán cho ông V và bà L các sản phẩm thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Bên ông Thăng giao hàng cho ông V và bà L tại kho hàng của Tân Quang Minh 1 theo đơn hàng hoặc giao hàng đến địa điểm của ông V và bà L, cụ thể:

- Hợp đồng ngày 15/5/2016, ông Nguyễn Văn V - Chủ hộ kinh doanh ký hợp đồng: Mua từ 15/5/2016 đến ngày 15/12/2016 tổng tiền mua hàng là 1.273.167.000 đồng, trong khoảng thời gian này ông V và bà L đã thanh toán được 740.000.000 đồng. Tính đến ngày 15/12/2016 thì ông V và bà L còn nợ 533.167.000 đồng.

- Từ 16/12/2016 vẫn tiếp tục mua hàng. Đến ngày 16/01/2017 thì ông V tiếp tục ký hợp đồng và mua hàng đến ngày 15/12/2017, ngoài ra có mua thêm và nợ mới là 1.312.039.000 đồng, đã trả được 624.880.000 đồng và ông Thăng tự nguyện hỗ trợ giảm nợ cho ông V, bà L 150.120.000 đồng. Như vậy, còn nợ 537.039.000 đồng.

- Đến 01/01/2018 ông V, bà L tiếp tục mua hàng. Đến ngày 05/02/2018 ông V, bà L tiếp tục ký hợp đồng và mua hàng đến ngày 07/7/2018 thì nợ tổng tiền hàng là 231.082.000 đồng, có thanh toán được 37.466.000 đồng. Như vậy, còn nợ 193.616.000 đồng. Đến thời gian này thì ông V, bà L tự ngưng mua hàng của ông Thăng. Ông V đi qua đại lý khác mua hàng.

Đến ngày 07/11/2019 thì ông Nguyễn Văn V ký nhận đối chiếu công nợ với ông Thăng với tổng các khoản nợ là 1.263.822.000 đồng (trong đó gồm khoản nợ của năm 2016 là 533.167.000 đồng; khoản nợ của năm 2017 là 537.039.000 đồng; nợ phát sinh của năm 2018 là 193.616.000 đồng). Ông Thăng yêu cầu thanh toán số nợ còn lại, nhưng ông V, bà L cố tình né tránh không thanh toán. Nên ông Trịnh Cẩm Th làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L phải trả cho ông Thăng số tiền nợ gốc là 1.263.822.000 đồng, yêu cầu tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 07/11/2019 đến ngày 12/6/2021 là 200.063.022 đồng. Tổng số tiền là 1.463.885.022 đồng và yêu cầu ông V cùng bà L còn phải thanh toán thêm tiền lãi chậm trả kể từ ngày 13/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 14/02/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông V và bà L thanh toán tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 07/11/2019 đến ngày 12/6/2021 là 200.063.022 đồng, không yêu cầu thanh toán thêm

tiền lãi chậm trả kể từ ngày 13/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Chỉ yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L phải trả cho ông Trịnh Cẩm Th số tiền nợ gốc là 1.263.822.000 đồng. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số 163/TB-TLVA ngày 13/7/2021 cho các bị đơn biết và Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng các bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án, không đến tham gia phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Khi thụ lý vụ án, các đương sự không cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của bị đơn, nên Tòa án thụ lý vụ án Dân sự theo số thụ lý 163/2021/TLST-DS ngày 13/7/2021, về tranh chấp hợp đồng mua bán. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, đến ngày 09/3/2022 Tòa án tiến hành thu thập được Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số 59E8004263 ngày 25/7/2014 của bị đơn là hộ kinh doanh Nguyễn Văn V. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự và thụ lý vụ án Kinh doanh thương mại để xét xử.

- Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, các bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L còn chưa chấp hành các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng các bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn nêu trên.

- Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu các bị đơn ông V và bà L thanh toán tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 07/11/2019 đến ngày 12/6/2021 là 200.063.022 đồng, yêu cầu thanh toán thêm tiền lãi chậm trả kể từ ngày 13/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn ông V và bà L thanh toán tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 07/11/2019 đến ngày 12/6/2021 là 200.063.022 đồng, yêu cầu thanh toán thêm tiền lãi chậm trả kể từ ngày 13/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2

Điều 244; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Cẩm Th – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh 1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn V – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L phải trả số tiền nợ mua thức ăn nuôi tôm. Buộc Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trịnh Cẩm Th số tiền 1.263.822.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán nên không đặt ra xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Khi thụ lý vụ án, các đương sự không cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh Hộ kinh doanh của bị đơn nên Tòa án thụ lý vụ án Dân sự theo số thụ lý 163/TLST-DS ngày 13/7/2021, về tranh chấp hợp đồng mua bán. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, đến ngày 09/3/2022 Tòa án tiến hành thu thập được Giấy chứng nhận đăng ký kinh Hộ kinh doanh số 59E8004263 ngày 25/7/2014 của bị đơn là hộ kinh doanh Nguyễn Văn V . Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án Kinh doanh thương mại theo số thụ lý 02/2022/TLST-KDTM ngày 01/4/2022 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán để giải quyết vụ án đúng theo quy định.

[2] Các bị đơn ông Nguyễn Văn V – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông V và bà L vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn nêu trên.

[3] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu các bị đơn ông V và bà L thanh toán tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 07/11/2019 đến ngày 12/6/2021 là 200.063.022 đồng, yêu cầu thanh toán thêm tiền lãi chậm trả kể từ ngày 13/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị

đơn ông V và bà L thanh toán tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 07/11/2019 đến ngày 12/6/2021 là 200.063.022 đồng, yêu cầu thanh toán thêm tiền lãi chậm trả kể từ ngày 13/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về nội dung:

[4] Nguyên đơn ông Trịnh Cẩm Th là chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh 1 có ký hợp đồng mua bán với ông Nguyễn Văn V là chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L để bán thức ăn và thuốc thủy sản cho hộ kinh doanh của vợ chồng ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L, theo các hợp đồng mua bán cụ thể: Hợp đồng ký ngày 15/5/2016, ông V và bà L mua thức ăn và thuốc thủy sản đến ngày 15/12/2016 thì ông V và bà L còn nợ 533.167.000 đồng; Hợp đồng ký ngày 16/01/2017, ông V và bà L mua thức ăn và thuốc thủy sản đến ngày 15/02/2017 còn nợ 537.039.000 đồng; Hợp đồng ký ngày 05/02/2018, ông V và bà L mua thức ăn và thuốc thủy sản đến ngày 07/7/2018 còn nợ 193.616.000 đồng. Đến ngày 07/11/2019, ông Nguyễn Văn V ký bảng đối chiếu xác nhận công nợ với ông Thăng, tổng số tiền còn nợ là 1.263.822.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét thấy, đây là hợp đồng mua bán giữa các bên đều là hộ kinh doanh và đều có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp, các bên giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ. Ông Trịnh Cẩm Th – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh 1 đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi, thuốc thủy sản cho bên mua là ông Nguyễn Văn V – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L. Ông V và bà L đã nhận đủ tài sản do ông Thăng chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, vì mục đích lợi nhuận để phát triển kinh tế gia đình. Nhưng ông V và bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Thăng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Kể từ ngày ký xác nhận công nợ là ngày 07/11/2019 đến nay, ông V và bà L còn nợ của ông Thăng tổng số tiền mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản là 1.263.822.000 đồng chưa thanh toán. Do ông V và bà L không thanh toán nợ đúng hạn theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự. Do đó, ông Trịnh Cẩm Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L trả số tiền nợ mua bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông Thăng là 1.263.822.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tiền lãi: Xét thấy, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Trịnh Cẩm Th được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Thăng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L phải liên đới chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2

Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử; ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Cẩm Th – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh 1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn V – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L trả số tiền 1.263.822.000 đồng.

[2] Buộc ông Nguyễn Văn V – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trịnh Cẩm Th – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh 1 tổng số tiền 1.263.822.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn ông Trịnh Cẩm Th – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh 1 không yêu cầu tính lãi, nên không đặt ra xem xét.

[4] Khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trịnh Cẩm Th – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh 1 có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L chậm trả số tiền nêu trên cho ông Trịnh Cẩm Th, thì ông V và bà Phi Leel phải liên đới trả lãi đối với số tiền trả chậm cho ông Trịnh Cẩm Th, với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[5] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Cẩm Th – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh, về việc yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L thanh toán tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 07/11/2019 đến ngày 12/6/2021 là 200.063.022 đồng, yêu cầu thanh toán thêm tiền lãi chậm trả kể từ ngày 13/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[6] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi L phải liên đới chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 49.914.660 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Trịnh Cẩm Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 24.957.330 đồng theo biên lai thu số 0009744 ngày 12/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ái Mỹ**